

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29-8-2024

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Danh Kim Tuyền

Bà Lê Thị Thúy Kiều

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2024/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông **Lê Thanh T**, sinh năm 1986 (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: **ấp B, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.**

- **Bị đơn:** Bà **Võ Thị D**, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: **khóm V, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông **Lê Thanh T trình bày:**

Tôi và chị **Võ Thị D** có đăng ký kết hôn tại **UBND thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng**. Trong thời gian đầu chúng tôi chung sống rất hạnh phúc nhưng thời gian về sau chúng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống tôi và chị **D** đã hết tình cảm không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân, mục đích hôn nhân không đạt được. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chúng tôi không ai biết. Chúng tôi đã ly thân khoảng 4/2014 đến nay. Tôi và chị **D** không

có con chung không có tài sản chung không có nợ chung. Nay yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết các vấn đề sau

- Về hôn nhân: Tôi yêu cầu cho tôi được ly hôn với bà **Võ Thị D.**

- Về con chung, nợ chung, tài sản chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: Không yêu cầu xem xét giải quyết

Bị đơn bà Võ Thị D vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân đề nghị chấp nhận cho ông **Lê Thanh T** ly hôn với bà **Võ Thị D.** Về con chung, nợ chung, tài sản chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Các đương sự cũng không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vắng mặt nhưng có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông **T**, bà **D.**

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông **Lê Thanh T** và bà **Võ Thị D** là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ông, bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa ông **T** và bà **D** là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống vợ chồng của ông **T** và bà **D**, theo ông **T** cho rằng quan hệ vợ chồng ông xảy ra nhiều mâu thuẫn do cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng bà đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thể nên đã ly thân với nhau từ tháng 4/2014 cho đến nay và ông giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà **D**. Phía bị đơn bà **D** từ khi thụ lý đến nay không tham gia theo giấy thông báo của Tòa án. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của ông **T** và bà **D** đã không còn sự

quan tâm dành cho nhau, Tòa án đã tiến hành hòa giải để các bên hàn gắn tình cảm nhưng phía bà **D** không tham gia, ông bà ly thân đã lâu. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của ông **T**, bà **D** đã mâu thuẫn trầm trọng không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông **T**, cho ông **T** được ly hôn với bà **D**.

[2] Về con chung; tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Xét ý kiến của đại viện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của HĐXX và có căn cứ nghĩ nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông **Lê Thanh T** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005206 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xem như ông **T** nộp xong án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Lê Thanh T**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông **Lê Thanh T** được ly hôn với bà **Võ Thị D**.

2/ Về con chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí sơ thẩm: Ông **Lê Thanh T** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số theo biên lai thu số 0005206 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xem như ông **T** nộp xong án phí.

5/ **Q** kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND thị trấn Hưng lợi, huyện Thạnh Trị, Sóc Trăng;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Mỹ Hạnh